

Bản án số: 82 /2020/HSPT
Ngày: 14-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông: Nguyễn Xuân Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên T cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2020/HSPT ngày 24 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Lương Thị C và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Lương Thị C, Cao Viết L, Nguyễn Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: Lương Thị C; sinh ngày: 12/8/1972, tại huyện T, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn L (đã chết); con bà Nguyễn Thị X (đã chết); có chồng: Đoàn Công T và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Học xong lớp 12/12 ở nhà xây dựng gia đình cho đến ngày phạm tội.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019; Thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh ngày 20/01/2020 hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: Cao Viết L; sinh ngày 10/3/1960 tại huyện T, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã N (nay là thôn H, xã T), huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Xuân V (đã chết); con bà Phạm Thị C (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị D và có 05 đứa con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tháng 5/1975 tham gia nghĩa vụ quân sự, năm 1978 xuất ngũ về địa phương. Năm 1993 “trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 5 năm tù. Năm

1996 trở về địa phương, năm 2000 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xử phạt 5 năm tù; năm 2004 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương cho đến ngày phạm tội.

Tạm giữ, tạm giam ngày từ ngày 04/12/2019; thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh ngày 20/01/2020; hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: Nguyễn Thị T; tên gọi khác: không; sinh ngày 01/10/1969 tại huyện T, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã N (nay là thôn H, xã T) huyện T, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: trồng trọt; Con ông: Nguyễn Xuân T và con bà: Nguyễn Thị T (đã chết); có chồng: Nguyễn Xuân B và có 04 đứa con; tiền án, tiền sự : không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019; Thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh ngày 20/01/2020 hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn có bị cáo Đoàn Công T, các bị hại Ông Hà Văn T, Nguyễn Văn Q, Trương Thanh C, Phùng Ngọc L; Có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn B nhưng không có kháng cáo, có các người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo về hình phạt, bản án không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 03/12/2019 Lương Thị C trú tại tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, BKS: 73D1-134.06 (xe của Đoàn Công T - chồng của C) cùng Nguyễn Thị T trú tại thôn H, xã N (nay là thôn H, xã T) đi vào xã N, huyện T để mua trâu bò. Sau đó C điện thoại cho Cao Viết L trú tại thôn H, xã N (nay là thôn H, xã T) để chở trâu, bò về. Khoảng 19 giờ cùng ngày do không mua được trâu, bò nên cả ba người cùng ra về. Khi đi đến khu vực Thác N, xã N thì phát hiện một đàn bò, trong đó có một con trâu, lúc này T dừng xe lại, C xuống xe đi lại gần L và nói “kiếm tí về trả nợ” (có nghĩa là trộm con trâu, bò về mổ thịt bán lấy tiền trả nợ). Nghe xong thì T và L đồng ý, lúc này T đứng cạnh giới còn C đưa cho L 02 đoạn dây thừng và một đèn pin rồi C và L đi đến đàn bò, L dùng tay cầm mũi bò rồi dùng sợi dây thừng buộc vào mũi con bò cái, màu vàng của ông Hà Văn T trú tại thôn T, xã M rồi buộc bò lại trong vườn keo. Sau đó C gọi L ra tiếp tục dùng dây thừng buộc vào mũi con trâu cái, lông màu đen của ông Nguyễn Văn Q trú tại thôn T, xã M rồi đưa con trâu ra xe bò kéo, lúc này T đứng giữ xe bò kéo, L và C đưa trâu lên xe buộc lại. Sau khi bắt được trâu, L điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, RXS (không có biển kiểm soát) kéo thêm xe bò kéo chở trâu chạy trước, còn T chở C chạy sau. Khi đến khu vực dân cư thuộc xã M thì C sang xe ngồi với L, còn T điều khiển xe chạy về nhà trước. Đến khoảng 22 giờ, C, L chở trâu bắt trộm được về đến nhà C tại tiểu khu T, thị trấn Đ, C điện thoại cho anh Cao Thanh L trú tại tiểu khu 8, thị trấn Q,

huyện M ra cùng với Đoàn Công T (là chồng của Lương Thị C) và Nguyễn Thị T để mổ trâu. Khoảng 30 phút sau, L tiếp tục điều khiển xe chở C quay lại vị trí con bò đã bắt trộm và đưa lên xe chở về nhà C. Đến khoảng 02 giờ ngày 04/12/2019 khi đi đến địa phận xã S thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện và triệu tập làm việc. Quá trình điều tra Lương Thị C, Cao Viết L và Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá số: 44/KL-HĐĐG ngày 05/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tuyên Hoá kết luận: 01 (một) con bò cái, khoảng 08 năm tuổi, lông màu vàng, cao 1.1m, dài 1.65 m tại thời điểm xảy ra vụ trộm có giá trị: 16.000.000 đồng; 01 (một) con trâu cái, khoảng 15 năm tuổi, lông màu đen, tại thời điểm xảy ra vụ trộm có giá trị 23.360.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 39.360.000 đồng.

Quá trình điều tra các đối tượng còn khai nhận đã thực hiện thêm 02 vụ trộm bò khác trên địa bàn huyện T cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 28/9/2019, Lương Thị C rủ Nguyễn Thị T đi bắt trộm bò về làm thịt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, T đồng ý, cả hai cùng đi bộ theo đường Quốc lộ 12A hướng lên thị trấn Đ. Khi đến nhà ông Trương Văn B trú tại tiểu khu Đ, thị trấn Đ thấy một con bò cái, lông màu vàng là bò của anh Trương Thanh C buộc ở bãi đất trống bên cạnh nhà. Lúc này C đứng cạnh giới còn T đi vào vị trí buộc bò, tháo dây buộc rồi dắt con bò lên đường Quốc lộ 12A, T dắt bò đi phía trước, C đi theo sau đuổi bò đi về lò mổ tại tiểu khu T, thị trấn Đ. Sau đó Đoàn Công T và Nguyễn Thị T tiến hành mổ con bò nói trên và bán được số tiền 13.000.000 đồng. C lấy số tiền 8.000.000 đồng và chia cho T số tiền 5.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số: 45/KL-HĐĐG ngày 09/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 (một) con bò cái, khoảng 02 năm tuổi, lông màu vàng tại thời điểm xảy ra vụ trộm có giá trị 15.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Do biết có một con bò thả rông ở ven đường Xuyên Á, thuộc địa phận của xã T, huyện T. Khoảng 21 giờ, ngày 04/10/2019 Lương Thị C rủ Nguyễn Thị T và Đoàn Công T (là chồng của Lương Thị C) đi bắt trộm con bò nói trên, T và T Đồng ý, sau đó T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, BKS: 73D1-134.06; T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, BKS: 73D1-142.30 chở C đi đến vị trí con bò mà C đã thấy trước đó. Khi đến cả ba người cùng chặn bò, Thanh dùng sợi dây thừng đã chuẩn bị trước đó đi đến chỗ con bò buộc dây thừng vào cổ rồi kéo vào vườn keo buộc lại. Đây là con bò cái, lông màu vàng sẫm của anh Phùng Ngọc L trú tại thôn B, xã T. Sau đó C gọi điện thoại cho Cao Viết L đến chở bò về. Khoảng 30 phút sau L điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, RXS (không có biển kiểm soát) kéo theo một chiếc xe bò đến. Lúc này C, T, Thanh và L đang chuẩn bị đưa bò lên xe thì có ánh đèn pha ở đường, sợ bị phát hiện nên cả bốn người đi về nhà của C. Sau khi thống nhất việc mổ lấy thịt con bò nói trên, C, T, Thanh và L mang theo dao, bạt ni lông

và giỏ đựng thịt quay lại chỗ con bò, T dùng dây thừng siết vào cổ bò làm bò chết, T và T trực tiếp mổ bò còn C và L phụ mổ bò. Sau khi mổ bò, bán được 14.000.000 đồng, C, T, T và L chia nhau số tiền này để tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá số: 48/KL-HĐĐG ngày 18/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 (một) con bò cái, khoảng 04 năm tuổi, lông màu vàng sẫm tại thời điểm xảy ra vụ trộm có giá trị: 25.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã thu giữ vật chứng gồm:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn: Đỏ - đen, số khung: 175780, số máy 6098749, xe không gắn biển kiểm soát. Đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe tự chế, thường gọi là xe bò kéo, làm bằng kim loại, có 02 (hai) bánh lốp, xe đã cũ.

- 01 (một) con bò cái, lông màu vàng, khoảng 08 năm tuổi, cao 1,1m, dài 1,65m của ông Hà Văn Trọng.

- 01 (một) sợi dây thừng dài 3,8m, đường kính 0,015m, hai đầu dây thắt nút cuộn tròn, màu xanh.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 000224 của xe mô tô BKS: 73D1-00215, tên chủ xe Cao Xuân A.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu sơn đỏ đen, số máy E3T6E064359, số khung 1740GY010967, biển kiểm soát 73D1 - 134.06

- 02 (hai) cái sừng trâu, màu đen, có chiều dài 0,5m, phần góc sừng có đường kính 0,07m.

- 01 (một) cái thớt gỗ, hình tròn, đường kính 0,35m; dày 0,04m, đã qua sử dụng.

- 01 (một) con dao, có tổng chiều dài 0,41m; phần lưỡi bằng kim loại dài 0,27m; nơi rộng nhất 0,07m; cán bằng gỗ tròn, có hai khâu bằng kim loại, dao đã qua sử dụng.

- 01 (một) ghế gỗ, kích thước (0,27x0,16x0,1)m.

- 01 (một) cái cân, loại cân đồng hồ, màu xanh, nhãn hiệu Nhon Hoà, kích thước (90,35x0,35x0,37)m, đã qua sử dụng.

- 01 (một) sợi dây thừng, màu trắng, dài 4,5m, đường kính 0,015m, một đầu dây thắt nút cuộn tròn, dây đã qua sử dụng.

- 01 (một) sợi dây thừng, màu trắng chấm đỏ, dài 4,5m, đường kính 0,01m; hai đầu dây thắt nút, một đầu dây buộc vào sợi dây dù màu xanh dài 0,13m; đường kính 0,006m; hai đầu dây dù thắt nút, dây đã qua sử dụng.

- 02 (hai) giỏ nhựa được nối với nhau bằng 01 (một) thanh gỗ kích thước (107x3,5x2,5)cm và 01 (một) thanh kim loại kích thước (105x2,5x1,5)cm. Trong đó: 01 (một) giỏ nhựa có chữ Bảo Hoàng màu xanh, kích thước (55,5x36x31)cm và 01 (một) giỏ nhựa màu tím, có chữ nước ngoài, kích thước (56x36,5x32,5)cm, tình trạng đã cũ.

- 02 (hai) giỏ nhựa được nối với nhau bằng 01 (một) thanh gỗ kích thước (104x03x02)cm và 01 (một) thanh kim loại kích thước (105x2,5x1,5)cm. Trong đó: 01 (một) giỏ nhựa có chữ Bảo Hoàng, màu xanh, kích thước (55,5x36x31)cm và 01 (một) giỏ nhựa màu vàng, có chữ Việt Thọ, kích thước (56x36x33)cm, tình trạng đã cũ.

- 01 (một) dao bằng kim loại, có chiều dài 43,5cm; Trong đó có phần cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 13,5cm, đường kính 02cm, có 02 (hai) khâu bằng kim loại, phần lưỡi dao làm bằng kim loại, dài 30cm, điểm rộng nhất 06cm, mũi dao bằng, tình trạng đã cũ.

- 01 (một) bạt ni lông, một mặt màu xanh, một mặt màu cam, kích thước (113x192)cm, tình trạng đã cũ.

- 01 (một) đèn chiếu sáng, loại ML3-35W, màu xanh đen, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu sơn: Đen xám, BKS: 73D1-142.30, số máy: E3T6E097995, số khung: RLCUE 1740GY015494, xe đã qua sử dụng.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường đủ toàn bộ giá trị tài sản cho các gia đình bị hại, quá trình điều tra những người bị hại không ai có yêu cầu gì và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bản Cáo trạng số: 17/CT – VKSTH – HS ngày 18/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Lương Thị C, Cao Viết L và Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đoàn Công T bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HSST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình quyết định tuyên bố các bị cáo Lương Thị C, Cao Viết L, Nguyễn Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đoàn Công T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 điểm g khoản 1 Điều 52 các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lương Thị C 26 tháng tù. Thời gian chấp

hành hình phạt tính từ ngày thi hành án được trừ đi 48 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 04/12/2019 đến ngày 20/01/2020)

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 điểm g khoản 1 Điều 52 các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Cao Viết L 24 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án được trừ đi 48 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 04/12/2019 đến ngày 20/01/2020)

3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 điểm g khoản 1 Điều 52 các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 21 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án được trừ đi 48 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 04/12/2019 đến ngày 20/01/2020).

4. Áp dụng khoản 1 Điều 173 các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đoàn Công T 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2020). giao bị cáo về cho chính quyền địa phương UBND thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình quản lý, theo dõi trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng vụ án, tuyên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 01/6/2020 Lương Thị C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 26/5/2020 Cao Viết L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

Ngày 27/5/2020 Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Các bị cáo Lương Thị C, Cao Viết L và Nguyễn Thị T khai, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố và xét xử của án sơ thẩm.

Bị cáo C trình bày lý do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo là có chồng Đoàn Công T bị xuất huyết não nằm liệt một chỗ, bị cáo là lao động chính, bị cáo có công cứu người đuối nước và đưa đi cấp cứu 01 người bị tai

nạn giao thông; có bố là ông Lương Văn L được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất.

Bị cáo L trình bày lý do kháng cáo: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ là Nguyễn Thị Diện bị bệnh U máu, bị cáo đang thờ cúng anh trai là Liệt sỹ Cao Xuân K; bị cáo có công cứu 02 cháu bé đuối nước, bị cáo xin được hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T trình bày lý do kháng cáo: Bị cáo cứu 02 người đuối nước, chồng bị bệnh tim bẩm sinh, bố mẹ bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến, bị cáo nhiều lần được UBND xã N tặng giấy khen, bị cáo xin được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm, các bị cáo xuất trình chứng cứ mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, các chứng cứ này chưa được cấp sơ thẩm xem xét, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 355, 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, Áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm cho bị cáo C 06 tháng tù, xét xử bị cáo 20 tháng tù, giảm hình phạt cho bị cáo L, xét xử từ 16 tù đến 20 tháng tù và giảm hình phạt cho bị cáo T, xét xử từ 16 đến 18 tháng tù.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2019 đến tháng 12/2019, các bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 con trâu, 03 con bò ở địa bàn các xã thuộc huyện T với tổng giá trị là tài sản là: 79.360.000đ (Bảy mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó Lương Thị C và Nguyễn Thị T tham gia 03 vụ; Cao Viết L tham gia hai vụ trộm giá trị tài sản là 64.360.000đ; Đoàn Công T tham gia một lần giá trị tài sản là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Như vậy có đủ căn cứ để xác định Lương Thị C, Cao Viết L và Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đoàn Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như vậy, Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Theo tính chất, mức độ vụ án, phạm vi ảnh hưởng do hành vi phạm tội của bị cáo đối với nhân dân nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; yêu cầu đấu tranh đối với loại tội phạm chiếm đoạt tài sản của người khác như bị cáo đã thực hiện và hình

phạt mà án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo trong vụ án, thấy, Bản án sơ thẩm đánh giá, phân tích đúng các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo C, L, T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú về hành vi lấy trộm tài sản, đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho các bị hại được quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo được các bị hại bãi nại được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, tình tiết mà các bị cáo xuất trình trong giai đoạn xét xử phúc thẩm chưa được cấp sơ thẩm xem xét, gồm:

Bị cáo Lương Thị C xuất trình giấy xác nhận có bố là ông Lương Văn L là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo được UBND xã S, huyện T xác nhận cứu cháu Nguyễn Ngọc Đ bị đuối nước, được UBND thị trấn Đ, huyện T xác nhận là lao động chính, chồng bị cáo bị tai biến mạch máu não, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo L xuất trình các chứng cứ: Bản thân bị di chứng của tai nạn giao thông, vợ bị bệnh U máu, bị cáo là lao động chính, đang thờ cúng liệt sỹ Cao Xuân K – là anh ruột của bị cáo, bị cáo cứu 02 cháu bé bị đuối nước, được UBND xã T, huyện T xác nhận, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T xuất trình chứng cứ về việc cứu 01 cháu bé bị đuối nước có xác nhận của UBND xã T, bản thân là lao động chính, chồng bị bệnh tim, Bố mẹ bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 49/2015/QĐ TTg của Thủ tướng Chính phủ - là những tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 cần xem xét cho bị cáo.

Các bị cáo C, L, T tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ nội dung vụ án nên được Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

Từ những đánh giá, nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét cần giữ chấp nhận một phần kháng cáo, sửa án sơ thẩm về hình phạt, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Nghị nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xét xử dưới khung hình phạt để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, tạo điều kiện cho bị cáo được chăm sóc gia đình cũng đủ sức giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, răn đe, phòng ngừa chung và thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Về kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, thấy rằng, các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo C là người khởi xướng, Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo không đủ điều kiện để được xem xét theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65

của Bộ luật hình sự về án treo. Do đó không chấp nhận kháng cáo này của các bị cáo.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo, sửa giảm hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lương Thị C, Cao Viết L, Nguyễn Thị T để sửa án sơ thẩm về hình phạt

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, r, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lương Thị C 20 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019 đến ngày 20/01/2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, r, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019 đến ngày 20/01/2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, r, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Cao Viết L 17 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019 đến ngày 20/01/2020.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 14 tháng 8 năm 2020).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng PV27-CAQB;
- Vụ GĐKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Đức Long